

Điều 4. — Về trợ cấp, gia đình quân nhân mất tích được hưởng từ 3 tháng đến 6 tháng sinh hoạt phí của quân nhân mất tích kể cả các khoản phụ cấp tính theo tiêu chuẩn sinh hoạt phí của quân đội lúc ban hành điều lệ ưu đãi gia đình quân nhân.

Đối với quân nhân đã tại ngũ 3 năm trở xuống mà có giấy báo mất tích ghi rõ ngày mất tích, thì gia đình được trợ cấp tối thiểu là 3 tháng sinh hoạt phí. Đối với quân nhân mất tích đã tại ngũ trên 3 năm, thì cứ thêm nửa năm, gia đình được cấp thêm nửa tháng sinh hoạt phí cho tới mức tối đa là 6 tháng.

Đối với quân nhân biệt tin nay được xác nhận là mất tích mà không rõ ngày mất tích, thì căn cứ vào thời gian tổng quân số hay muộn của quân nhân đó mà trợ cấp như sau:

— Quân nhân tổng quân từ năm 1945 đến năm 1949: gia đình được trợ cấp 6 tháng sinh hoạt phí.

— Quân nhân tổng quân năm 1950: gia đình được trợ cấp 5 tháng sinh hoạt phí.

— Quân nhân tổng quân năm 1951: gia đình được trợ cấp 4 tháng sinh hoạt phí.

— Quân nhân tổng quân từ năm 1952 đến năm 1954: gia đình được trợ cấp 3 tháng sinh hoạt phí.

Khoản trợ cấp này chỉ xét và cấp một lần cho các gia đình quân nhân mất tích đến nay chưa lĩnh một khoản trợ cấp nào.

Điều 5. — Chi tiết thi hành nghị định này do Bộ Nội vụ ấn định.

Điều 6. — Các quy định cũ trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 7. — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 9 năm 1960

T. M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 36 - CP ngày 9-9-1960 **ban hành điều lệ tạm thời quy định** **việc tuyển dụng và sử dụng nhân công** **ở nông thôn.**

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để tăng cường quản lý việc tuyển dụng và sử dụng nhân công, nhằm sử dụng hợp lý các nguồn nhân công ở nông thôn, bảo đảm nhu cầu nhân công cho các ngành kinh tế, đồng thời giải quyết công ăn việc làm cho những người thiếu việc;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Lao động;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 4 tháng 5 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản điều lệ tạm thời quy định việc tuyển dụng và sử dụng nhân công ở nông thôn.

Điều 2. — Ông Bộ trưởng Bộ Lao động chịu trách nhiệm quy định chi tiết hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 9 năm 1960

T. M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI **quy định việc tuyển dụng và sử dụng** **nhân công ở nông thôn.**

Điều 1. — Nay thống nhất việc quản lý, điều hòa, phân phối các nguồn nhân công ở nông thôn theo kế hoạch Nhà nước vào Bộ Lao động, Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh.

Điều 2. — Bộ Lao động có trách nhiệm quản lý việc thi hành chính sách tuyển dụng và sử dụng nhân công. Dựa theo kế hoạch nhân công của kế hoạch Nhà nước và tình hình nhân công địa phương, Bộ Lao động phân phối nhiệm vụ cung cấp nhân công cho các khu, thành phố, tỉnh.

Các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch nhân công và quản lý các nguồn nhân công trong địa phương. Căn cứ vào nhiệm vụ cung cấp nhân công do Bộ Lao động giao cho và tình hình nhân công địa phương, các Ủy ban kê trên phân phối nhiệm vụ cung cấp nhân công cho các huyện, châu, quận, Ủy ban hành chính huyện, châu, quận phân phối lại nhiệm vụ ấy cho các xã. Các Ủy ban hành chính xã phải căn cứ nhiệm vụ của cấp trên giao cho và tùy theo kế hoạch lao động sản xuất của hợp tác xã mà bố trí, giới thiệu người đi làm theo đúng yêu cầu và thời gian.

Ngoài kế hoạch phân phối nói trên, các Ủy ban hành chính huyện (hoặc châu, quận), xã, các Ban, quản trị hợp tác xã, các đoàn thể ở nông thôn không được tùy tiện giới thiệu người ra tìm việc tại các thành phố hoặc tại các xí nghiệp, công trường.

Điều 3. — Việc điều hòa, phân phối nhân công phải theo đúng những nguyên tắc sau đây:

Bảo đảm nhân công cho địa phương để phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, đồng thời bảo đảm nhu cầu nhân công cho các ngành công nghiệp, kiến thiết cơ bản và các ngành kinh tế khác.

Ưu tiên cung cấp nhân công cho quốc phòng, công nghiệp nặng và các công trình ở miền núi; nhất là các công trình thuộc trung ương quản lý.

Bảo đảm yêu cầu của các ngành tuyển dụng nhân công, đồng thời ra sức sắp xếp việc làm cho lao động thiếu việc.

Điều 4. — Các ngành tuyển dụng nhân công có trách nhiệm:

Hàng năm và từng quý phải lập kế hoạch nhân công gửi Bộ Lao động (nếu thuộc kế hoạch trung ương) và gửi Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh (nếu thuộc kế hoạch địa phương).

Khi kế hoạch nhân công thay đổi, phải kịp thời báo cáo với Bộ Lao động và Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh biết để điều chỉnh.

Khi cần thêm nhân công, trước hết phải điều chỉnh nhân công cho hợp lý trong ngành, nếu chưa đủ mới được tuyển thêm.

Khi tuyển nhân công, phải theo kế hoạch phân phối của Bộ Lao động, trực tiếp đến Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh xin phân phối. Các Ủy ban này sẽ giới thiệu về huyện, xã để tuyển dụng. Cơ quan tuyển dụng nhân công không được tự do tuyển dụng và trực tiếp tuyển dụng những người đến xin việc, kể cả người thuê theo chế độ công nhật.

Trong trường hợp vì yêu cầu đột xuất, cấp bách cần sử dụng một số ít nhân công tại địa phương trong một thời gian ngắn, thì có thể trực tiếp xin Ủy ban hành chính huyện (hoặc châu, quận) hay xã. Nhưng sau đó phải báo cáo ngay cho Ủy ban hành chính tỉnh biết.

Khi tuyển nhân công tạm thời, phải có ký kết hợp đồng giữa đơn vị tuyển dụng với người đi làm, có sự chứng thực của Ủy ban hành chính xã.

Điều 5. — Khi sử dụng nhân công, các ngành có trách nhiệm:

Xi nghiệp, công trường phải chuẩn bị công việc làm, chỗ ăn, ở, v. v... trước khi điều động nhân công tới.

Phải quản lý chặt chẽ lực lượng nhân công, bố trí công việc hợp lý, thường xuyên giáo dục tư tưởng, chính trị, bồi dưỡng về nghề nghiệp, văn hóa, động viên thi đua, để không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Điều 6. — Các ngành trước đây đã tuyển dụng nhân công ở nông thôn, tuyển dụng trong một thời gian tương đối dài hay chỉ tạm thời, mà không do Ủy ban hành chính các địa phương phân phối, phải báo cáo cho Ủy ban hành chính và cơ quan Lao động khu, thành phố, tỉnh địa phương nơi có nhân công và nơi mở xi nghiệp, công trường, để tùy theo tình hình cụ thể, các địa phương sẽ có biện pháp giải quyết.

Điều 7. — Không được tuyển dụng địa chủ và các phần tử xấu. Nếu đã trót tuyển dụng địa chủ và những phần tử xấu thì giải quyết như sau:

Đối với địa chủ cường hào gian ác và những phần tử xấu có nhiều tội ác với nhân dân, phải kiên quyết đưa về địa phương, bắt họ phải cải tạo trong lao động sản xuất nông nghiệp, dưới sự kiểm soát của chính quyền và nhân dân địa phương.

Đối với địa chủ thường, cũng cho về địa phương, nhưng có giải thích kỹ cho họ rõ là phải lấy lao động sản xuất nông nghiệp để cải tạo.

Đối với địa chủ kháng chiến và con cái địa chủ, thì xử lý theo tinh thần chính sách đối với họ sau sửa sai. Nếu những người này hiện nay đang làm ở các xí nghiệp, công trường và làm việc tích cực, có thái độ tốt, thì để họ tiếp tục làm việc, nhưng cần phải theo dõi, giáo dục, giúp đỡ họ tiến bộ.

Trong khi giải quyết những trường hợp trên đây, các ngành sử dụng nhân công phải báo cáo cho Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh biết.

Điều 8. — Cá nhân hoặc tổ chức nào vi phạm những điều quy định trên đây, tự động tuyển người không qua Ủy ban hành chính các cấp giới thiệu, sẽ bị phê bình, hoặc bị cảnh cáo; trường hợp hành động vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 9. — Để đảm bảo thi hành quy định này:

Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh phải chú ý tăng cường tổ chức của cơ quan Lao động; Ủy ban hành chính các huyện, xã, khu phố phải có một Ủy viên phụ trách công tác nhân công.

Các Bộ, các ngành sử dụng nhân công phải tăng cường lãnh đạo đối với các tổ chức quản lý nhân công ở cơ quan Bộ, ngành và cơ sở sản xuất.

Ban hành kèm theo nghị định của Hội đồng Chính phủ số 36-CP ngày 9 tháng 9 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

GIÁO DỤC — TÀI CHÍNH — NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 38-TT/LB ngày 27-8-1960 hướng dẫn thi hành thông tư số 168-TTg và số 169-TTg ngày 4-8-1960 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với giáo viên do nhân dân đài thọ.

Ngày 4-8-1960 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành thông tư số 168-TTg và 169-TTg quy định các chế độ đối với giáo viên do nhân dân đài thọ. Nay Liên bộ hướng dẫn chi tiết thi hành như sau:

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA

Quy chế tổ chức trường lớp dân lập và một số chế độ quy định đối với giáo viên dân lập do Bộ Giáo dục ban hành tháng 8-1957 đã có tác dụng động viên khuyến khích giáo viên dân lập và thúc đẩy phong trào nhân dân cùng với Nhà nước xây dựng giáo dục.

Ngày nay do yêu cầu mới của cách mạng, ngành giáo dục phải tận lực phát triển và nâng cao chất